

## **THÔNG TƯ LIÊN TỊCH**

### **Hướng dẫn phương pháp xác định giá trị, phương thức, thủ tục thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước**

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 20 tháng 3 năm 1996 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 160/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khoáng sản;

Liên Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn phương pháp xác định, phương thức, thủ tục thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước như sau:

#### **Điều 1. Quy định chung**

1. Thông tư này hướng dẫn phương pháp xác định giá trị, phương thức, thủ tục thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước (sau đây gọi chung là hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản).

2. Tổ chức, cá nhân được phép sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước phục vụ cho khai thác khoáng sản phải hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản theo quy định tại Thông tư này. Việc hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản nhằm hoàn lại một phần vốn từ ngân sách Nhà nước đã đầu tư cho công tác điều tra, thăm dò khoáng sản.

3. Số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản là toàn bộ các số liệu, dữ liệu, bản đồ địa chất khoáng sản đã thu thập và tổng hợp được trong quá trình điều tra, thăm dò các loại khoáng sản ở thể rắn, thể khí, nước khoáng, nước nóng thiên nhiên (trừ dầu khí và các loại nước thiên nhiên khác) được thể hiện trong các báo cáo kết quả công tác thăm dò.

4. Chi phí thăm dò khoáng sản, bao gồm chi phí các hạng mục công trình địa chất và chi phí khác trong công tác thăm dò.

5. Trữ lượng khoáng sản được sử dụng để xác định tiền hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản, bao gồm các cấp trữ lượng A, B, C<sub>1</sub>, C<sub>2</sub> hoặc các cấp trữ

lượng 121, 122 (đối với trữ lượng xác định theo Quyết định số 06/2006/QĐ-BTNMT ngày 7 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Ban hành Quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn).

6. Việc sử dụng thông tin, số liệu về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản thực hiện theo các quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của Thông tư này.

Các trường hợp sử dụng số liệu vào mục đích nghiên cứu khoa học, đào tạo hoặc xây dựng quy hoạch, chiến lược theo nhiệm vụ của Nhà nước giao thì không phải thanh toán theo quy định của Thông tư này.

7. Các dịch vụ về in ấn, sao chép số liệu thực hiện theo quy định riêng và không thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư này.

## **Điều 2. Phương pháp xác định tiền hoàn trả chi phí thăm dò.**

1. Đối với mỏ khoáng sản chưa khai thác, tiền hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản được xác định theo công thức sau:

$$G = P \times \frac{Q_{cp}}{Q_{td}} \text{ (đồng)}$$

Trong đó:

G: Là tiền hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản.

P: Là tổng chi phí nhà nước đã đầu tư cho công tác tra thăm dò khoáng sản.

$$P = \sum_{i=1}^n (K_i \times Z_h) + C \times H \text{ (đồng)}$$

Trong đó:

-  $K_i$ : Là hạng mục công việc địa chất thứ  $i$ .

-  $Z_h$ : Là đơn giá của hạng mục công việc địa chất thứ  $i$  tại thời điểm xác định tiền hoàn trả chi phí thăm dò do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành (đơn giá hiện hành).

- C: Là chi phí khác cho công tác thăm dò khoáng sản tại thời điểm thăm dò.

- H: Là hệ số chi phí khác, được xác định như sau:

$$H = \frac{\sum K_i \times Z_h}{\sum K_i \times Z_{nt}}$$

Trong đó:  $Z_{nt}$  là đơn giá của hạng mục công việc địa chất thứ  $i$  tại thời điểm thăm dò khoáng sản trong báo cáo kết quả công tác điều tra, thăm dò khoáng sản (đơn giá nguyên thủy).

$Q_{cp}$ : Là phần trữ lượng khoáng sản sử dụng để xác định tiền hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản được cấp phép khai thác cho tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản ghi trong giấy phép khai thác khoáng sản, được xác định như sau:

$$Q_{cp} = (A_{cp} + B_{cp} + C_{1cp} + 0,5C_{2cp}) \text{ hoặc } (121_{cp} + 122_{cp}).$$

$Q_{td}$ : Là trữ lượng khoáng sản thăm dò ghi trong báo cáo thăm dò được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, được xác định như sau:

$$Q_{td} = (A_{td} + B_{td} + C_{1td} + C_{2td}) \text{ hoặc } (121_{td} + 122_{td}).$$

2. Trường hợp mỏ khoáng sản đang khai thác thì tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản được xác định theo công thức sau:

$$G = P \times \frac{Q_{cl}}{Q_{td}} \text{ (đồng)}$$

Trong đó:  $Q_{cl}$  là phần trữ lượng khoáng sản còn lại được cấp phép khai thác nhưng chưa khai thác.

### **Điều 3. Phương thức và thủ tục thanh toán.**

1. Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 2, tổ chức, cá nhân xin giấy phép khai thác khoáng sản phải hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản cho Nhà nước tại Kho bạc địa phương, nơi tiến hành khai thác khoáng sản theo phương thức thanh toán gọn một lần trước khi nhận giấy phép khai thác.

2. Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 2, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản cho Nhà nước tại Kho bạc địa phương, nơi tiến hành khai thác khoáng sản theo phương thức thanh toán gọn một lần chậm nhất sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản.

3. Tiền sử dụng số liệu của Nhà nước là khoản chi phí hợp lý được tính trừ khi xác định thu nhập chịu thuế và hoạch toán dần trong thời gian khai thác.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì tổ chức xác định tiền hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản; thành lập Hội đồng thẩm định có sự tham gia của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương (hoặc Bộ Xây dựng), đại diện Ủy ban nhân dân tỉnh nơi có khoáng sản khai thác để thẩm định kết quả xác định tiền chi phí thăm dò mà tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải hoàn trả cho Nhà nước trước khi thông báo bằng văn bản; theo dõi, đôn đốc các tổ chức, cá nhân hoàn trả chi phí thăm dò theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản có trách nhiệm kê khai, báo cáo đầy đủ số liệu, thông tin về việc sử dụng kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản của mình theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường; thực hiện hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản cho nhà nước theo quy định tại Điều 2 và Điều 3 của Thông tư này.

Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản không kê khai, báo cáo đầy đủ số liệu, thông tin về việc sử dụng kết quả điều tra, thăm dò khoáng sản của Nhà nước hoặc không hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản theo quy định tại Thông tư này sẽ bị xử phạt hành chính hoặc thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

3. Kinh phí tổ chức xác định tiền hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản.

Bộ Tài nguyên và Môi trường được ngân sách nhà nước cấp bằng 5% số thu từ tiền hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản để thực hiện tổ chức xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về khoáng sản. Việc quản lý, sử dụng, quyết toán nguồn thu này như sau:

3.1. Chi phí xác định tiền hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản.

a) Chi phí khảo sát, thu thập và xử lý số liệu, thông tin để xác định tiền hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản, bao gồm cả tiền lương, tiền công theo chế độ hiện hành cho lao động trực tiếp (không bao gồm chi phí tiền lương cho cán bộ công chức đã được hưởng tiền lương theo chế độ quy định hiện hành), tiền công tác phí, lưu trú, thuê xe, bồi dưỡng làm thêm giờ;

b) Chi hội nghị, hội thảo, họp kỹ thuật để xác định tiền hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản;

c) Chi phí mua sắm thiết bị, phương tiện, vật tư văn phòng phẩm;

d) Chi phí kiểm tra, thẩm định kết quả xác định tiền hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản;

đ) Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc tổ chức xác định giá trị tiền sử dụng số liệu, thông tin về khoáng sản;

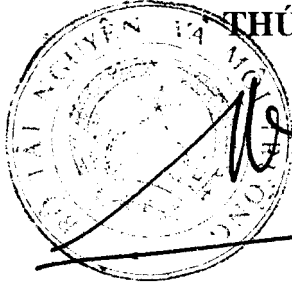
3.2. Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức xác định giá trị tiền hoàn trả chi phí thăm dò khoáng sản theo đúng chế độ và quy định hiện hành; trường hợp sử dụng không hết thì được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo quy định hiện hành.

4. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký. Thông tư này thay thế Thông tư Liên Tịch số 46/TTLT-BTC-BCN ngày 21 tháng 5 năm 2002 của liên Bộ Tài chính - Bộ Công nghiệp hướng dẫn phương pháp xác định,

phương thức, thủ tục thanh toán tiền sử dụng số liệu, thông tin về kết quả khảo sát, thăm dò khoáng sản của Nhà nước.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường để nghiên cứu, giải quyết.

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ  
MÔI TRƯỜNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Xuân Cường**

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH  
THỨ TRƯỞNG**



**Đỗ Hoàng Anh Tuấn**

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Trung ương và các ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao; - Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Website Bộ Tài chính; Website Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Lưu: Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường. 9